

Bản án số: 28 /2022/DS-ST

Ngày: 23-3-2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hiếu

2. Bà Nguyễn Thị Lý

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2021/TLST-DS Ngày 16 tháng 7 năm 2021 về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐST-DS ngày 13/01/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2022/QĐST-DS ngày 25/01/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2022/QĐST-DS ngày 24/02/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Minh Đ, sinh năm: 1969; địa chỉ cư trú: Số 41 đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; *có mặt.*

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1985; địa chỉ cư trú: Tổ 03, phường H, quận C, Lệ, thành phố Đà Nẵng; *có mặt.*

3. *Người làm chứng:* Ông Hoàng B, sinh năm: 1978 địa chỉ cư trú: Số 73 đường B, tổ 29, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; *có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2021, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Minh Đ trình bày:

Ngày 11/01/2021, bà có cho ông Nguyễn Văn M mượn số tiền 100.000.000 đồng, khi mượn tiền ông M có viết giấy mượn tiền và hẹn đến ngày 11/3/2021 ông M sẽ trả lại đầy đủ số tiền trên cho bà, ông M mượn tiền để làm ăn, khi mượn tiền hai bên không thỏa thuận với nhau về mức lãi suất, đến thời hạn trả nợ ông M không trả. Nay bà yêu cầu ông M trả cho bà số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai viết, biên bản hòa giải, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Thông qua ông Hoàng B, ngày 11/01/2021 ông có vay của bà Phạm Thị Minh Đ số tiền là 100.000.000 đồng, khi vay tiền ông có viết giấy mượn tiền cộng với việc thế chấp lô đất mà vợ chồng ông hiện nay đang sinh sống tại địa chỉ tổ 03, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng và hẹn đến ngày 11/3/2021 sẽ trả lại đầy đủ số tiền trên cho bà M, ông vay tiền để làm ăn. Khi vay hai bên đã thỏa thuận miệng với nhau lãi suất vay là 10%/tháng, kể từ khi vay tiền đến nay ông đã trả lãi cho bà Đ được 02 tháng với số tiền 20.000.000 đồng, cụ thể: lúc vay 100.000.000 đồng bà Đ chỉ giao cho ông 90.000.000 đồng còn giữ lại 10.000.000 đồng để trừ tiền lãi tháng 1, đến tháng 2 thì ông giao cho ông Hoàng B, nhờ ông B mang số tiền 10.000.000 đồng tiền lãi đến nhà bà Đ tại địa chỉ số 41 đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng để trả cho bà. Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu ông phải trả số tiền đã mượn là 100.000.000 đồng ông đồng ý trả, nhưng hiện nay công việc làm ăn gặp khó khăn nên ông đề nghị được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Hoàng B trình bày: Ông và ông Nguyễn Văn M có mối quan hệ là anh em quen biết nhau ngoài xã hội, còn ông với bà Phạm Thị Minh Đ cùng làm nghề mua bán bất động sản nên quen biết nhau. Tháng 12/2020, ông M có nhu cầu vay tiền để làm ăn nên ông giới thiệu đến bà Đ để vay tiền, sau đó ông M có vay của bà Đ số tiền 1.000.000.000 đồng và hai bên có đến Văn phòng công chứng Tr để công chứng việc ông M chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Đ để làm tin. Tháng 11/2022, ông M có giao cho ông 50.000.000 đồng để trả lãi cho bà Đ, sau đó ông M không có khả năng trả nợ nên ông M và bà Đ thỏa thuận ông M chuyển nhượng cho bà Đ thửa đất trên để trừ nợ. Đối với khoản nợ 100.000.000 đồng ông M vay của bà Đ vào ngày 11/01/2021 là do ông M trực tiếp gặp bà Đ để vay tiền, ông không đi cùng ông M và ông không biết gì về khoản vay này. Ông M cho rằng khoảng tháng 02/2021 ông M có giao cho ông số tiền 10.000.000 đồng để trả tiền lãi cho khoản vay 100.000.000 đồng cho bà Đ là hoàn toàn không có.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Minh Đ. Buộc ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Minh Đ số tiền nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Về án phí DSST: Ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch vay tài sản là tiền thông qua giấy mượn tiền lập ngày 11/01/2021. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ Luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Nguyễn Văn M có địa chỉ cư trú tại tổ 3, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện:* Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Minh Đ yêu cầu ông Nguyễn Văn M phải trả cho bà số tiền nợ là 100.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Bị đơn ông Nguyễn Văn M xác nhận còn nợ bà Đ số tiền 100.000.000 đồng, nhưng hiện nay do dịch Covid - 19 nên công việc làm ăn không được thuận lợi, ông đề nghị được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng từ nay cho đến khi thanh toán xong khoản tiền 100.000.000 đồng.

[2.1] Xét thấy: Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện ngày 11/01/2021, ông Nguyễn Văn M có mượn của bà Phạm Thị Minh Đ số tiền 100.000.000 đồng, ông M hẹn đến ngày 11/3/2021 sẽ hoàn trả cho bà Đ số tiền trên, ông M có viết giấy mượn tiền. Hợp đồng vay tiền giữa bà Đ và ông M là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi, đến kỳ hạn trả nợ ông M không trả, như vậy ông M đã vi phạm cam kết. Đồng thời, tại phiên tòa ông M xác nhận hiện nay ông còn nợ bà Đ số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Do vậy, việc bà Đ yêu cầu ông M phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ. Ông M cho rằng, khi vay tiền 2 bên thỏa thuận miệng mức lãi suất là 10%/tháng và ông đã trả cho bà Đ được 20.000.000 đồng tiền lãi nhưng bà Đ không thừa nhận và ông M cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Do vậy, buộc ông M phải có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) là phù hợp với Điều 463, Điều 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Bà Đ không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Minh Đ đối với ông Nguyễn Văn M.

Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn M phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Minh Đ số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn M phải chịu là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Hoàn trả cho bà Phạm Thị Minh Đ 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, đã nộp tại biên lai thu tiền số 0008808 ngày 14/07/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tp. Đà Nẵng;
- VKSND tp. Đà Nẵng;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu TA, VP, HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lệ Hằng

